

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 54/2026/TLST-HN ngày 15/01/2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh **Vũ Thành T**, sinh ngày 09/7/1984

Nơi thường trú: Xóm BP, xã CT, tỉnh NB; (trú tại: Số 23/228 LTT, phường PL, Thành Phố Hà Nội)

Số CCCD: 036084013315 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/02/2024.

- Chị **Đặng Thị Tuyết L**, sinh ngày 16/01/1988

Nơi thường trú: Xóm BP, xã CT, tỉnh MB. (trú tại: Số 23/228 LTT, phường PL, Thành Phố Hà Nội).

Số CCCD: 036188005404 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/5/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Anh Vũ Thành T và chị Đặng Thị Tuyết L kết hôn tự nguyện 21/3/2015 tại UBND xã TM, huyện TN, tỉnh NB (nay là xã QH, tỉnh NB).

Đây là hôn nhân hợp pháp. Nay anh T và chị L cùng xác nhận không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T và chị L theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Vũ Thành T và chị Đặng Thị Tuyết L cùng xác nhận có 02 con chung là cháu Vũ Quỳnh A, sinh ngày 27/11/2015 và cháu Vũ Đăng K, sinh ngày 24/10/2019. Khi ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận chị Đặng Thị Tuyết L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Quỳnh A; còn anh Vũ Thành T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Đăng K. Về cấp dưỡng, vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nhà đất ở chung: Anh Vũ Thành T và chị Đặng Thị Tuyết L cùng xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Anh Vũ Thành T và chị Đặng Thị Tuyết L cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Vũ Thành T tự nguyện chịu lệ phí giải quyết thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Thành T và chị Đặng Thị Tuyết L cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Vũ Thành T và chị Đặng Thị Tuyết L cùng xác nhận có 02 con chung là cháu Vũ Quỳnh A, sinh ngày 27/11/2015 và cháu Vũ Đăng K, sinh ngày 24/10/2019. Sau khi ly hôn:

Giao con chung là cháu Vũ Quỳnh A, sinh ngày 27/11/2015 cho chị Đặng Thị Tuyết L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 03/2026 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác;

Giao con chung là cháu Vũ Đăng K, sinh ngày 24/10/2019 cho anh Vũ Thành T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 03/2026 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác;

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Vũ Thành T và chị Đặng Thị Tuyết L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nhà đất ở chung: Anh Vũ Thành T và chị Đặng Thị Tuyết L cùng xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Vũ Thành T và chị Đặng Thị Tuyết L cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Vũ Thành T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000546 ngày 09/01/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
 - VKSND Khu vực 2 – Hà Nội;
 - THADS Khu vực 2 – Hà Nội;
 - UBND xã QH, tỉnh NB
- (ĐKKH số 15 ngày 21/3/2015),
- Dương sự và lưu hs.

THẨM PHÁN



Hoàng Nghĩa Hải